

CÔNG TY TNHH GAOJIA OPTICS TECHNOLOGY VIỆT NAM

-----o0o-----

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN: NHÀ MÁY GAOJIA OPTICS TECHNOLOGY VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B-2-4, KCN WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An

(Giai đoạn 2), xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An.

- Nghệ An, tháng 12 năm 2025 –

CÔNG TY TNHH GAOJIA OPTICS TECHNOLOGY VIỆT NAM

-----☆-----

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GAOJIA OPTICS
TECHNOLOGY VIỆT NAM

Địa điểm: Lô B-2-4, KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An (Giai
đoạn 2), xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An.

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH GAOJIA OPTICS
TECHNOLOGY VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
XIE BING GAO

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của Dự án

1.1. Thông tin chung về Dự án

Dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An được Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An: phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 154/QĐ-KKT ngày 25/4/2024; phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 367/QĐ-KKT ngày 13/11/2024; chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4360747368 chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 07 tháng 5 năm 2024. Dự án có Giấy chứng nhận QSD đất số DM 684704 ngày 30/7/2024 với diện tích sử dụng là 43.976m².

Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam là chủ đầu tư của Dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An. Dự án “Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An” là dự án đầu tư xây dựng mới, có mức đầu tư 1.008.891.000.000 đồng; căn cứ Khoản 3, điều 10 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ban hành ngày 29/11/2024 quy định thì dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 2300 tỷ đồng thuộc dự án nhóm B. Căn cứ theo Điểm a Khoản 3 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường và Mục 17 Phụ lục II, Mục V Phụ lục III Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) Dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn và nâng công suất trên 30% làm gia tăng tác động xấu đến môi trường (từ 23.000.000 sản phẩm/năm lên 260.000.000 triệu sản phẩm/năm), vì vậy, Dự án thuộc nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao, phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thẩm định và phê duyệt (Khoản 1, Điều 38 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Cấu trúc và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được lập theo hướng dẫn tại mẫu số 04 mục 2, Phụ lục kèm theo Thông tư số

07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, trên cơ sở đó lựa chọn giải pháp tối ưu cho hoạt động bền vững của dự án, bảo vệ sức khỏe của người lao động và bảo vệ môi trường.

Loại hình dự án: Dự án nhóm B theo khoản 2 Điều 10 Luật Đầu tư công 58/2024/QH15; Hình thức đầu tư nâng công suất.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt Dự án

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: Công ty TNHH Công nghệ Quang điện Cao Giai Giang Tây.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

Hiện nay Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-Ttg ngày 14/9/2023. Một trong những nội dung quan trọng trong Quyết định nêu rõ “Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững, bảo đảm các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao. Chuyển dịch cơ cấu khu dịch vụ theo hướng tăng nhanh các dịch vụ chủ lực về thương mại, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, tài chính ngân hàng, vận tải, kho bãi, logistic, thông tin và truyền thông”. Không gian phát triển trong đó có các huyện đồng bằng và ven biển, bao gồm huyện Nghi Lộc. Ngoài ra, việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Lô B-2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An còn phù hợp với các quy hoạch liên quan dưới đây:

a. Chiến lược bảo vệ môi trường

- Dự án phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022.

- Dự án có nước thải được xử lý đạt chuẩn theo yêu cầu trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN; khí thải được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường; chất thải rắn được thu gom, phân loại, lưu giữ và vận chuyển

xử lý theo đúng quy định. Vì vậy, Dự án phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

b. Phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường và các quy hoạch khác như sau:

Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự án thuộc vùng 5. Ngoài ra, theo Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về phân vùng môi trường, thì dự án không thuộc các khu vực phân vùng môi trường bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải do không đi qua các khu vực khu dân cư nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III; không ảnh hưởng đến nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt; không đi qua các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên...

c. Mối quan hệ của dự án với các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan:

Dự án phù hợp với Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040.

2. Tóm tắt nội dung chính của báo cáo ĐTM

2.1. Thông tin về Dự án

2.1.1. Thông tin chung về Dự án

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam

*** Chủ sở hữu:**

- Tên chủ sở hữu: Công ty TNHH Công nghệ Quang điện Cao Giai Giang Tây.

- Mã số Doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 913661100553525464H.

- Ngày cấp: 22/4/2010

- Nơi cấp: Cục Quản lý giám sát Thị trường thành phố Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc.

- Địa chỉ trụ sở chính: Đại lộ Hưng Nghiệp, khu phát triển kinh tế kỹ thuật Thượng Nhiêu, thành phố Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc.

*** Đại diện thực hiện tại Việt Nam:**

Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B-2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An.

- Điện thoại: 0827.189.835

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4360747368 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp ngày 14/12/2023 cho dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics tại lô B-2-4 khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2902181615 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/01/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21/5/2024

* Thông tin về người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Ông Xie, Binggao Chức danh: Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/9/1972 Quốc tịch: Trung Quốc

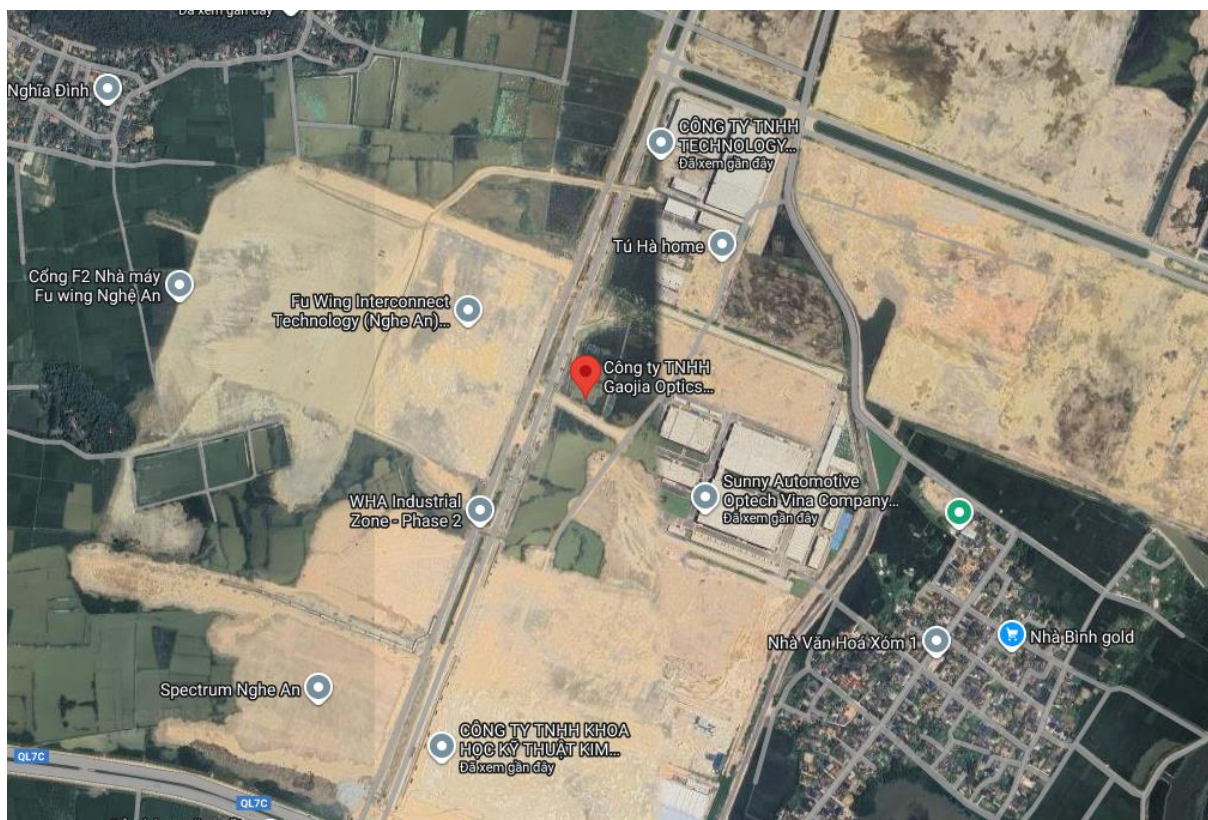
Số Giấy tờ pháp lý cá nhân: EJ2692788; Ngày cấp 19/12/2022; Nơi cấp: Cục Quản lý di dân quốc gia nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Địa chỉ liên lạc: Lô B2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An.

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô B-2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An.

Vị trí dự án: Khu đất thực hiện Dự án có ranh giới như sau:

- + Phía Bắc giáp: Lô đất B-2-5;
- + Phía Nam giáp: Đường nội bộ KCN, lộ giới 22,6m;
- + Phía Đông giáp: Lô đất B-2-3;
- + Phía Tây giáp: Đường nội bộ KCN tuyến 2, lộ giới 74m.



Hình 1. Sơ đồ vị trí của Dự án tại Khu công nghiệp

- Tổng vốn đầu tư của dự án: **1.008.891.000.000** đồng (bằng chữ: Một nghìn không trăm linh tám tỷ, tám trăm chín mươi một triệu đồng chẵn) trong đó:

+ Vốn góp để thực hiện dự án : chiếm 23,95%

+ Vốn vay : chiếm 76,05%

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động:

Giai đoạn 1:

+ Từ tháng 11/2023 - 03/2024: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

+ Từ tháng 04/2024 - 04/2025: Xây dựng nhà xưởng.

+ Từ tháng 5/2025 – 07/2025: Lắp đặt vận hành máy móc thiết bị, tuyển dụng đào tạo nhân viên.

+ Tháng 8/2025: Nghiệm thu xây dựng và đưa giai đoạn 1 đi vào hoạt động chính thức.

Giai đoạn 2:

+ Từ tháng 11/2024 – 01/2025: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

+ Từ tháng 02/2025 – 02/2026: Xây dựng nhà xưởng, nghiệm thu xây dựng giai đoạn 2.

+ Từ tháng 03/2026 -05/2026: Lắp đặt vận hành máy móc thiết bị, tuyển dụng đào tạo nhân viên.

+ Tháng 06/2026: Đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động chính thức.

2.1.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

- Tổng diện tích đất chiếm dụng của dự án là 43.976m².

- Hiện trạng sử dụng đất: khu đất đã được Công ty cổ phần WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An cho Chủ đầu tư thuê đất theo Hợp đồng số LSA001/2024 và đã được cấp GCN QSD đất số DM 684704.

- Hiện trạng: đã hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 và đang tiến hành xây dựng giai đoạn 2 khoảng 80%.

*** Hiện trạng cấp điện:**

Dự án sử dụng nguồn điện cung cấp bởi đơn vị quản lý Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An, xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An, thông qua đường dây điện và tủ điện công suất 1.000kVA.

*** Hiện trạng cấp nước:**

Nước cấp cho dự án hiện tại được đầu nối từ nguồn cấp nước sạch của KCN WHA do Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An cung cấp.

*** Hiện trạng thoát nước:**

Hiện tại dự án đã hoàn thành công tác thi công hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải

*** Hiện trạng ngập úng khu vực dự án và vùng lân cận:**

Khu vực thực hiện dự án có hệ thống thoát nước của KCN đồng bộ, hoạt động tốt nên không xảy ra hiện tượng ngập lụt.

*** Hiện trạng công tác thi công**

- Thời điểm bắt đầu triển khai thi công giai đoạn 1: Quý II/2024; giai đoạn 2: Quý IV/2025.

- Hiện tại công tác thi công đang triển khai đối với các hạng mục đã được phê duyệt như sau.

Bảng 1. Hiện trạng thi công

STT	Hạng mục công việc	Khối lượng đã thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn thành
1	Nhà xưởng 1	100%	Đã hoàn thành
2	Nhà xưởng 2	100%	Đã hoàn thành

STT	Hạng mục công việc	Khối lượng đã thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn thành
3	Nhà xưởng 3	70%	Quý II/2026
4	Nhà văn phòng tổng hợp	80%	Quý II/2026
5	Nhà để xe máy + Nhà rác + Bể nước ngầm	100%	Đã hoàn thành
6	Nhà nghỉ ca	100%	Đã hoàn thành
7	Thoát nước mưa	100%	Đã hoàn thành
8	Đường giao thông	100%	Đã hoàn thành
9	Cấp điện	100%	Đã hoàn thành
10	Cấp nước	100%	Đã hoàn thành
11	Thu gom, thoát nước thải 1	100%	Đã hoàn thành
12	Trạm xử lý nước thải 2 (02 bể)	80%	Quý I/2026
13	Trạm động lực	100%	Đã hoàn thành
14	Trạm điện 1	100%	Đã hoàn thành
15	Trạm điện 2	100%	Đã hoàn thành
16	Cổng phụ, bảo vệ	100%	Đã hoàn thành
17	Cổng chính, bảo vệ, tuyên dụng	80%	Quý II/2026



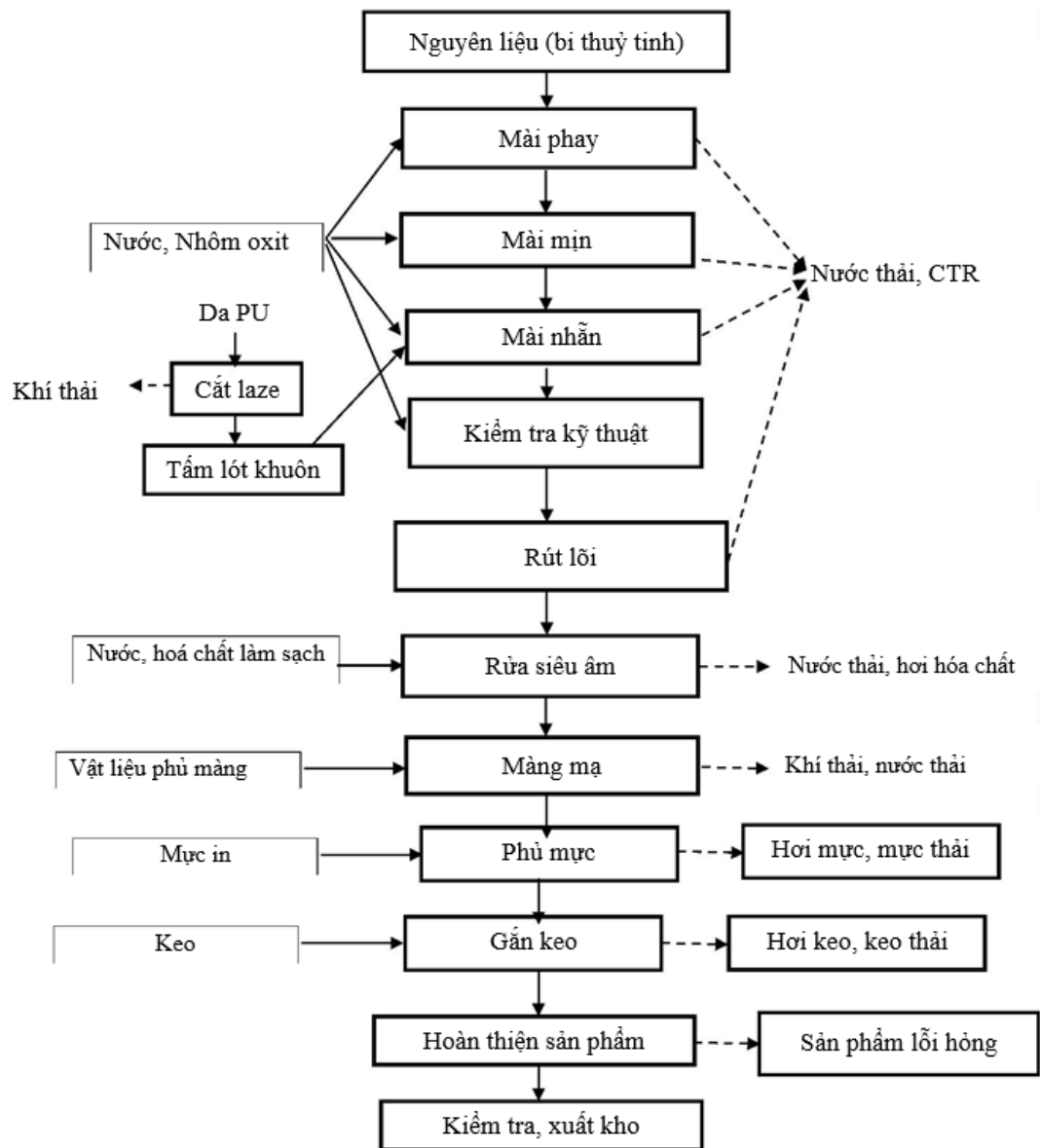
Hình 2. Hình ảnh thi công hiện trạng tại Dự án

2.1.3. Phạm vi, quy mô công suất của Dự án

- Mục tiêu của dự án:
 - + Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học.
 - + Bán buôn tổng hợp.
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Quy mô của dự án: Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: sản xuất thấu kính quang học dùng cho ô tô, máy ảnh, máy quay, máy chiếu, thiết bị hình ảnh. Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) hàng hóa theo quy định của pháp luật; Cho thuê nhà xưởng.
- Công suất thiết kế:
 - + Sản xuất thấu kính quang học dùng cho xe ô tô, máy ảnh, máy quay, máy chiếu, thiết bị hình ảnh: 260.000.000 sản phẩm/năm.
 - + Bán buôn tổng hợp: Quy mô dự kiến 4.000.000 USD/năm ổn định.
 - + Diện tích nhà xưởng cho thuê khoảng 20.000 m².

2.1.4. Công nghệ sản xuất

Quá trình sản xuất của Nhà máy được thực hiện dựa trên khả năng thao tác thủ công của người lao động kết hợp với sự hỗ trợ của máy móc, thiết bị. Quy trình sản xuất của dự án được trình bày như sau:



Hình 2. Quy trình sản xuất của nhà máy

Quy trình sản xuất các sản phẩm của dự án

+ Bước 1: Mài phay

Quá trình mài và gia công thấu kính đầu tiên, là quá trình xử lý các khối hoặc hình dạng thành các hình dạng hình học nhất định, là quy trình có yêu cầu về độ chính xác kích thước và độ nhám bề mặt. Quy trình: Chọn vật liệu → Bề gãy bề mặt S1 → Bề gãy bề mặt S2 → Đi vào quy trình mài mịn.



粗磨
Phay thô

+ Bước 2: Mài mịn

Đây là một quá trình công việc nhằm làm giảm độ sâu của lớp lõm và lỗi trên bề mặt thấu kính và cải thiện hơn độ chính xác hoặc độ phẳng của bán kính cong của bề mặt thấu kính. Quy trình: Chọn vật liệu → Treo cát lần 1 mặt S1 → Treo cát lần 2 mặt S1 → Treo cát lần 1 mặt S2 → Treo cát lần 2 mặt S2 → Kiểm tra → Đi vào quy trình mài nhẵn.

+ Bước 3: Mài nhẵn

Là quá trình loại bỏ các lớp không đồng đều và nứt sau khi mài mịn để làm cho bề mặt của thấu kính trong suốt và mịn màng, đồng thời đạt được yêu cầu về độ nhám bề mặt và các khiếm khuyết bề mặt.



抛光
Đánh bóng

Quy trình: Sản phẩm đã được mài mịn → Các lỗ một mặt → Các lỗ hai mặt → Lỗ rập một mặt → Lỗ rập hai mặt → Tẩy rửa làm sạch → Gửi để kiểm tra

Để hỗ trợ công đoạn này, các tấm lót khuôn bằng nguyên liệu da PU sẽ được sử dụng, kích thước các tấm lót khuôn sẽ được cắt chính xác bằng máy cắt laze.

抛光
Đánh bóng



精磨
Mài thô



芯取
Mài viên



+ Bước 4: Công đoạn kiểm tra trung gian

Kiểm tra toàn bộ thông số quang học

Quy trình: Độ dày trung tâm → khẩu độ mặt thứ nhất → khẩu độ mặt thứ 2 → Vệ sinh làm sạch → Ngoại quan

+ Bước 5: Công đoạn rút lõi

Tiến hành mài đối xứng vòng tròn bên ngoài thấu kính đã được cố định lõi và tiến hành gia công vát cạnh, điều chỉnh độ cao, bậc tam cấp,...

Quy trình: nhận vật liệu → rút lõi → kiểm tra inch → vệ sinh làm sạch → mang đi kiểm tra

+ Bước 6: Vệ sinh bằng sóng siêu âm

Là công nghệ mà trên mỗi một công đoạn gia công thấu kính đều cần sử dụng công nghệ sóng siêu âm để loại bỏ lớp bụi bẩn trên bề mặt và nâng cao mức độ vệ sinh làm sạch.

超声波洗净
Rửa



+ Bước 7: Công đoạn màng mạ

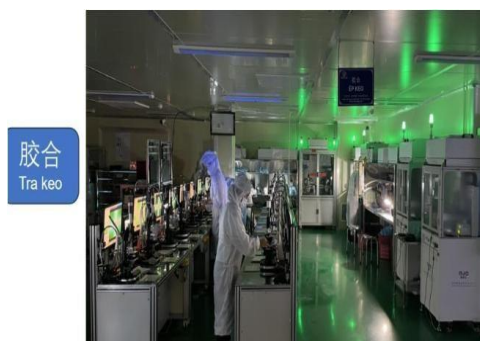
Tận dụng màng mỏng liên kết quang học để đạt được đa dạng các đặc tính quang học, có thể giảm bớt tỷ lệ hắt sáng trên bề mặt kính, tăng mức độ sáng trong của thấu kính, hoặc tăng cường mức độ hắt sáng bề mặt và giảm mức độ trong suốt, đồng thời cũng có thể làm cho các mặt phẳng phân cực khác nhau có các tính chất quang học khác nhau,...

Quy trình: nhận vật liệu → xếp kính để vệ sinh → kiểm tra ô trước khi mạ → màng mạ mặt thứ nhất → lật ngược lại và vệ sinh → kiểm tra ô trước khi mạ → màng mạ mặt thứ 2 → lật ngược lại để mang đi kiểm tra → kiểm tra → nhập kho

+ Bước 8: Công đoạn gắn keo

Dùng keo để gắn cố định 2 thấu kính có giá trị R tương đồng để tạo thành 1 tấm kính

Quy trình: nhận vật liệu → xếp kính để vệ sinh → kiểm tra ngoại quan → kiểm tra ngoại quan → điều chỉnh lệch tâm → cố định UV → kiểm tra → nhập kho.



+ Bước 9: Công đoạn phủ mực

Là quá trình công nghệ được thực hiện trên bề mặt li của tấm kính (mặt rút lõi), dùng mực để tiến hành sơn quét theo các yêu cầu kỹ thuật nhất định

Quy trình: nhận vật liệu → xếp kính để vệ sinh → phủ mực lên tấm kính → kiểm tra ngoại quan → hong khô làm đông → kiểm tra → nhập kho



+ Bước 10: Công đoạn kiểm tra xuất hàng

Kiểm tra sản phẩm sau khi hoàn thành

Quy trình: nhận vật liệu → xếp kính để vệ sinh → kiểm tra ngoại quan → phủ mực cho tấm kính → kiểm tra ngoại quan → hong khô làm đông → kiểm tra → nhập kho.

2.1.5. Phạm vi

2.1.5.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Các thông số quy hoạch xây dựng:
- + Diện tích đất xây dựng nhà và công trình: 21.528,55 m²;
- + Diện tích đường giao thông nội bộ: 13.117,13 m²;
- + Diện tích cây xanh nội bộ: 9.330,32 m²;
- + Mật độ xây dựng toàn khu quy hoạch: 47,1%;
- + Tầng cao: 1-5 tầng.

Gồm các hạng mục như sau:

Bảng 2. Các hạng mục công trình chính của dự án

TT	Hạng mục công trình chính	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Số tầng
1	Nhà xưởng 1	(1)	6.134,60	4
2	Nhà xưởng 2	(3)	2.637,00	4
3	Nhà xưởng 3	(5)	6.134,60	4
4	Nhà văn phòng tổng hợp	(4)	1.793,78	5

5.1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

Bảng 3. Các hạng mục công trình chính của dự án

TT	Hạng mục công trình phụ trợ	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Số tầng
1	Trạm xử lý nước thải 1	(9A)	105,46	1
2	Trạm xử lý nước thải 2 (02 bể XLNT)	(9B)	150,11	1
3	Trạm điện 1	(6A)	384,00	1
4	Trạm điện 2	(6B)	296,08	1
5	Trạm động lực	(2)	559,92	2
6	Nhà để xe + Nhà rác + Bể nước ngầm	(8)	1.344,00	3
7	Nhà nghỉ ca	(7)	1.824,00	5
8	Cổng phụ + bảo vệ	(10)	40	1

TT	Hạng mục công trình phụ trợ	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Số tầng
9	Cổng chính + bảo vệ + tuyến dưng	(11)	125,00	1

2.1.5.2. Hoạt động của dự án đầu tư

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu thi công Dự án, hoạt động của các loại máy móc, phương tiện thi công
- Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình: xây dựng của máy móc, phương tiện thi công các công trình kiến trúc; hoạt động của công nhân trên công trường.

b. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sản xuất của Nhà máy phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải, tiếng ồn.
- Hoạt động của cán bộ công nhân viên.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

2.1.6. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường

Các hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường như sau :

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thi công, xây dựng dự án: phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân xây dựng.
- Sự cố an toàn lao động, sự cố cháy nổ.

b. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động vận hành sản xuất của dự án: phát sinh bụi, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động.
- Sự cố rò rỉ quá trình thu gom và xử lý nước thải, chất thải; sự cố an toàn lao động, cháy nổ.

2.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

2.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

1). Quy mô, tính chất nước thải và vùng có thể bị tác động do nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Lưu lượng: $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Thành phần, tính chất: cặn bẩn, dầu mỡ, các chất hữu cơ khó phân huỷ sinh học, các loại vi sinh vật gây bệnh.

- Nước thải xây dựng:

+ Lưu lượng: $7,08 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Thành phần, tính chất: các chất lơ lửng từ vôi vữa, xi măng, cặn bẩn,..

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lưu lượng dự kiến: $746,8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương ứng với $0,086 \text{ m}^3/\text{giây}$).

+ Thành phần, tính chất: cặn bẩn, COD, dầu mỡ, SS.

2) Quy mô, tính chất của bụi và khí thải

Nguồn phát sinh:

- Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển, bốc xúc nguyên vật liệu xây dựng;

- Bụi từ quá trình thi công xây dựng;

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công;

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn chi tiết;

- Khí thải từ công đoạn sơn hoàn thiện.

3) Quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Khối lượng phát sinh khoảng 35 kg/ngày .

Tính chất: loại chất thải này có thành phần chính gồm các chất hữu cơ (chiếm khoảng 70%), giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,... nếu không được thu gom xử lý thích hợp sẽ ảnh hưởng xấu tới môi trường sống, gây mất mỹ quan khu vực. Rác thải hữu cơ khi phân huỷ sinh ra mùi hôi, rác thải sinh hoạt là môi trường sống và phát triển của các loài ruồi muỗi, chuột bọ và vi khuẩn.

- *Chất thải rắn xây dựng:*

Khối lượng: chất thải rắn là từ quá trình thi công xây dựng khoảng 13,33 tấn/cả giai đoạn.

Tính chất: thành phần các chất thải rắn này có chứa nhiều tạp chất bẩn và có chứa nhiều các thành phần khác nhau, nếu phát sinh bừa bãi sẽ gây mất mỹ quan khu vực.

- *Chất thải nguy hại:*

Khối lượng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng: 15 kg/tháng giẻ lau dính dầu; 50kg/cả giai đoạn xây dựng thùng sơn đã sử dụng.

Tính chất: thành phần chủ yếu giẻ lau dính dầu mỡ; thùng sơn đã sử dụng.

4) Tiếng ồn, độ rung

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng được thống kê như sau:

+ Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án.

+ Hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy khoan, ép cọc, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải,...), tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị này có thể lên trên 100 dBA và giảm dần theo khoảng cách.

5) Các tác động khác

- Tác động đến các hoạt động của dự án lân cận;

- Tác động đến cảnh quan khu vực;

- Tác động đến giao thông của khu vực.

2.3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

1). Quy mô, tính chất nước thải và vùng có thể bị tác động do nước thải

- *Nguồn phát sinh:*

+ Nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt phát sinh của 3.000 cán bộ, công nhân viên của Nhà máy và xưởng cho thuê;

+ Nước thải sản xuất của Nhà máy từ hoạt động mài kính, rửa siêu âm và công

đoạn khác và của xưởng cho thuê;

+ Nước mưa chảy tràn.

* Nước thải sinh hoạt:

- Lưu lượng tối đa: 135 m³/ngày.đêm;

- Tính chất đặc trưng của nước thải: thành phần các chất ô nhiễm chính có trong nước thải là BOD₅, COD, TSS, NH₄⁺, Tổng N, Tổng P.

* Nước thải sản xuất:

- Lưu lượng tối đa: $102 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;
- Tính chất đặc trưng của nước thải: thành phần là cát nhôm oxit, bột kính mài, cặn isopropyl.

* Nước mưa chảy tràn:

- Lưu lượng tối đa: $746,8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương ứng với $0,086 \text{ m}^3/\text{giây}$).
- Thành phần, tính chất: cát, cặn bẩn, lá cây,...

2). Quy mô, tính chất của bụi và khí thải

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

+ Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm và phương tiện cán bộ công nhân viên;

+ Khí thải từ quá trình cắt laze khuôn da PU;

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn rửa siêu âm;

+ Khí thải từ công đoạn tráng phủ bề mặt.

3). Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Khối lượng phát sinh khoảng 900 kg/ngày .

Tính chất: Thành phần chủ yếu của chất thải sinh hoạt là chất hữu cơ, thông thường từ 55 - 70% tổng lượng phát sinh. CTR sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy, vì vậy nếu không được thu gom và xử lý sẽ sinh ra mùi hôi thối làm ảnh hưởng đến sức khỏe và làm mất mỹ quan của khu vực, tác động đến môi trường đất và nước mặt.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

Khối lượng phát sinh: bao bì, pallet gỗ, sản phẩm lỗi hỏng, mảnh kính, các linh kiện lỗi hỏng, nguyên vật liệu vụn,... khoảng 2 tấn/tháng; nạo vét bề mặt khu vực nhà xưởng khoảng 25 tấn/lần/6 tháng.

Tính chất: Thành phần chủ yếu bao bì, pallet gỗ, sản phẩm lỗi hỏng, mảnh kính, các linh kiện lỗi hỏng, nguyên vật liệu vụn, cát nhôm oxit trắng và nhôm oxit.

- *Chất thải nguy hại*

Khối lượng phát sinh trong giai đoạn hoạt động: 60.870 kg/năm .

Tính chất: thành phần chất thải nguy hại phát sinh bao gồm Keo dán thải (có dung môi hữu cơ), Catrich mực, mực in (hộp mực in thải), Bóng đèn huỳnh quang hỏng, Các linh kiện, thiết bị điện tử thải, giẻ lau dính dầu mỡ, than hoạt

tính đã qua sử dụng, bao bì kim loại thải có chứa thành phần nguy hại, bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa các thành phần nguy hại, bao bì mềm có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại, dầu máy thải loại, chất thải lây nhiễm, bùn thải có chứa các thành phần nguy hại, pin, ắc quy thải,...

2.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

2.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

2.4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

*** Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt**

- Không chế lượng nước thải sinh hoạt bằng cách ưu tiên tuyển dụng công nhân trong khu vực, có điều kiện tự túc ăn ở, không ở lại trên công trường. Tổ chức hợp lý nhân lực trong giai đoạn thi công.

- Với số lượng công nhân trên công trường là 50 người. Chủ dự án bố trí 02 nhà vệ sinh di động trong khu vực thi công để phục vụ cho công nhân. Bùn bở phốt từ khu vệ sinh sẽ được đơn vị thi công hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

*** Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng chủ yếu là nước vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, nước rửa bánh xe được dẫn vào hố lắng bố trí tại góc phía Bắc dự án hố có thể tích 10m^3 ($5\text{m} \times 2\text{m} \times 1\text{m}$). Chức năng hố để lắng cặn trước khi thoát vào mương thoát nước của khu vực.

*** Giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn**

Đào các mương thoát nước xung quanh công trình thi công, có bố trí các hố thu nước dọc theo các mương. Mục đích các hố thu là để xử lý sơ bộ nước mưa chảy tràn bằng phương pháp lắng cơ học để tách các chất rắn cuốn theo trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận, hạn chế được hiện tượng bồi lắng.

- Vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải, không để rò rỉ xăng dầu nhằm giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn.

- Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vãi làm tắc nghẽn đường thoát thải.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

b. Giai đoạn vận hành

*** Nước thải sinh hoạt**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà bếp được thu gom vào bể tách dầu mỡ dung tích 45m^3 đặt dưới móng công trình nhà ăn ca để tách dầu mỡ; Nước thải sinh hoạt từ nguồn vệ sinh chung được thu gom, lọc rác và dẫn về bể lắng cặn dưới tác dụng của trọng lực, các hạt cặn lắng xuống đáy bể định kỳ được thu gom. Nước thải và phân từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (10 bể dung tích: 02 bể dung tích 3m^3 , 02 bể 10m^3 , 04 bể dung tích 20m^3 và 02 bể dung tích 45m^3). Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, tách dầu được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý. Xây dựng mạng thu gom nước thải sinh hoạt nội bộ Công ty bằng đường ống HDPE D200 và HDPE D300 với tổng chiều dài 1.200m, có 50 hố ga có kích thước $1 \times 1 \times 1,2\text{m}$ độ dốc đặt ống là $i=0,5\%$. Nước thải sinh hoạt sau đó được thu gom về Trạm XLNT sinh hoạt công suất $135\text{m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Công nghệ xử lý nước thải:

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt → tách mỡ/bể tự hoại → bể gom/tách rác → bể điều hòa NTSH → bể SBR.

*** Nước thải sản xuất**

- Công đoạn mài kính, do nước thải chứa nhiều cát nhôm oxit trắng và bột nhôm oxit, các thành phần này rất dễ lắng được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $165\text{m}^3/\text{ngày}$. Nước thải từ các công đoạn sản xuất khác cũng sẽ được thu gom bằng đường ống D160 chiều dài 300m để dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của công ty. Nước thải sinh hoạt sau đó được thu gom về Trạm XLNT tập trung công suất $165\text{m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Công nghệ xử lý nước thải:

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: nước thải tẩy rửa (xử lý qua bể tách dầu mỡ), nước thải đậm đặc (xử lý qua bể xử lý bột) → bể điều hòa NTSX → bể điều chỉnh pH → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng → bể trung gian → cột lọc áp lực.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt (hệ $135\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm) và nước thải sản xuất (hệ $165\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm) → bể khử trùng → được dẫn trực tiếp ra hố ga đầu nổi thoát nước thải của Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (giai đoạn 2), xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An.

Nước thải đầu ra đạt Quy chuẩn đầu vào của hệ thống xử lý nước thải WHA

Industrial Zone 1 - Nghệ An.

Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom nước thải của KCN dẫn về trạm xử lý tập trung của KCN để xử lý.

*** Nước thải phát sinh từ hoạt động của đơn vị thuê nhà xưởng:**

Nước thải từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 70m³/ngày.đêm bằng đường ống HDPE D160 với chiều dài 150m để xử lý.

- Công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh: Bể gom (10,4m³) → Bể tách cặn, dầu (Thể tích 11,8m³) → Bể lọc cặn (Thể tích 6,2m³) → Bể Điều hoà (Thể tích 32,3m³) → Bể phản ứng (Thể tích 2,8m³) → Bể keo tụ (Thể tích 2,8m³) → Bể tạo bông (Thể tích 3,85m³) → Bể lắng hoá lý (Thể tích 14m³) → Bể hiếu khí (Thể tích 23,8m³) → Bể lắng sinh học (Thể tích 14m³) → Bể trung gian (Thể tích 6,3m³) → Bể khử trùng (Thể tích 6,3m³) → Hồ ga kiểm soát chung Đầu nối vào Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung KCN WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An.

*** Nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn có mức độ ô nhiễm không đáng kể nên được thu gom từ các mái nhà bằng đường ống HDPE D70 được dẫn vào hệ thống thoát nước riêng bằng BTCT D400, D600, D800, D1000, D1200 có tổng chiều dài 2.050m có tấm đan thu nước mưa trên mặt bằng và hộp thu nước mưa trên mái được bố trí xây dựng xung quanh các khu nhà, dọc theo tuyến đường này có bố trí 90 hố ga có tác dụng lắng đất, cát, và các chất bẩn do nước mưa cuốn theo, sau đó thải ra thoát ra hệ thống thoát nước mặt của Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) dọc đường quy hoạch nội bộ N2, lộ giới 74m phía Tây (Tọa độ X = 2066002,26; Y = 591809,72). Độ dốc thoát nước $\geq 0,5\%$. Hồ ga định kỳ 1 tháng/lần nạo vét, khai thông cống rãnh tránh tắc nghẽn làm ngập úng khu vực dự án. Bố trí 10÷15m/1 hố ga.

Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước mưa. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

2.4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Kiểm soát phát tán của bụi trong hoạt động thi công:

+ Lập hàng rào tôn cao 2,5m xung quanh khu vực thi công để hạn chế bụi phát sinh xung quanh.

+ Bố trí 2 vòi xịt nước tại 2 cổng ra vào khu vực công trường và bố trí 2 công nhân làm việc ở đây. Nhiệm vụ của công nhân là tiến hành xịt rửa nếu có bùn, đất bám ở lớp xe, không để bùn đất theo lớp rơi vãi trên đường, gây ra bụi cuốn từ mặt đường.

+ Khi tiến hành thi công lên tầng cao công trình được bao bọc các lưới chắn bụi để giảm thiểu lượng bụi phát tán ra môi trường xung quanh. Thay thế lưới chắn bụi trong trường hợp lưới bị rách.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, găng tay, mũ bảo hộ, áo bảo hộ lao động... khi làm việc trong khu vực dự án.

- Phun nước giảm thiểu bụi tại các tuyến đường gần khu vực có hoạt động lưu thông của các phương tiện thi công, vận chuyển: phun nước trong phạm vi nhất định, cụ thể:

+ Tần suất thực hiện: tưới 2 lần/ngày, thời điểm thực hiện: sáng 9h, chiều 15h.

+ Số lượng xe tưới nước: 1 xe tưới nước chuyên dụng $4m^3$.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ dự án.

b. Giai đoạn vận hành

Khí thải từ máy cắt da PU, hệ thống rửa siêu âm và từ công đoạn phủ màng sẽ được hút thông qua các quạt hút công suất 5,5kW tương ứng với lưu lượng $15.000 m^3/giờ$ và dẫn qua thiết bị hấp thụ phun nước đặt bên trong để loại bỏ bụi trong khí thải. Sau đó khí thải tiếp tục được dẫn bằng đường ống dẫn đến hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính bên ngoài nhà xưởng. Dòng khí thải sau khi xử lý đạt chuẩn được thoát ra ngoài môi trường thông qua ống khói.

Do quá trình phát thải không liên tục do đó quạt hút của hệ thống xử lý và buồng phun nước sẽ được khởi động khi công nhân vận hành các công đoạn của quá trình sản xuất.

Tại thiết bị hấp phụ của hệ thống xử lý khí thải bố trí các tầng than hoạt tính, khoảng cách mỗi tầng là 100mm. Than hoạt tính được sử dụng là dạng tổ ong. Thời gian thay than hoạt tính cho hệ thống khoảng 1 năm/1 lần.

2.4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

*** Đối với chất thải rắn xây dựng**

- Bao bì xi măng, kim loại vụn, bìa cotton sẽ được tận thu để bán phế liệu.
- Chất thải còn lại không có khả năng tái sử dụng như: Vôi, vữa, gạch vỡ, sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý với tần suất 2 ngày/lần.

❖ Đối với chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công:

Chủ đầu tư bố trí 02 thùng đựng rác loại 240 lít có nắp đậy tại khu vực thi công (01 thùng tại khu vực phía Bắc và thùng tại phía Nam dự án). Rác sau khi thu gom sẽ được phân loại như sau:

- + Đối với rác có nguồn gốc giấy, kim loại hoặc nhựa thì thu gom để bán phế liệu.
- + Lượng rác thải còn lại được thu gom vào thùng cuối ngày sẽ có công nhân vệ sinh của Khu công nghiệp đến thu gom vận chuyển đến bãi xử lý rác thải.

b. Giai đoạn vận hành

*** Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường của dự án: bao gồm chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất bao gồm bao bì, pallet gỗ, sản phẩm lỗi hỏng, mảnh kính, các linh kiện lỗi hỏng, nguyên vật liệu vụn, bột cát nhôm oxit trắng và nhôm oxit với khối lượng khoảng 5 tấn/tháng.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất (giấy in, bìa carton...) được thu gom, lưu vào các thùng có dung tích 120l, được bố trí tại các kho, xưởng sản xuất. Hàng ngày, chất thải rắn sản xuất được chuyển về kho chứa chất thải rắn công nghiệp của Nhà máy, chất thải tái chế định kỳ 01 tháng/01 lần bán cho cơ sở thu mua phế liệu;

+ Đối với bột cát nhôm oxit trắng và nhôm oxit phát sinh từ công đoạn mài kính sẽ được lắng tại các bể lắng khu vực nhà xưởng, định kỳ 2 lần/1 tháng sẽ được thu gom theo đúng quy định.

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: khoảng 87,32 kg/ngày, tương đương khoảng 27,24 tấn/năm. Lượng bùn thải này được lưu trữ từ 6-12 tháng và định kỳ Công ty ký kết với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

+ Bùn phát sinh từ hoạt động nạo vét mương thoát nước, hồ ga: hiện chưa có định mức tính toán cụ thể, song dựa vào quy mô công trình và thực tế từ các dự án tương tự dự báo phát sinh khoảng $1\text{m}^3/\text{lần nạo vét/năm}$.

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường là kho chứa phế liệu của cơ sở.

- Tổng diện tích các kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp là khoảng 150m^2 . Kho xây dựng dạng nhà bê tông cốt thép, có khóa, tráng nền bê tông và biển cảnh báo.

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt: bao gồm rác thực phẩm từ nhà ăn và chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân nhà máy được phân loại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 như sau:

+ Đối với chất thải thực phẩm (rau, củ, thức ăn thừa, ...) phát sinh từ nhà ăn sẽ được công nhân vệ sinh của Nhà máy thu gom vào 2 thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi, có nắp đậy, dán nhãn và được bố trí tại khu vực bếp. Hàng ngày chất thải rắn này được chuyển giao cho đơn vị đã ký kết hợp đồng có chức năng thu gom.

+ Đối với chất thải sinh hoạt có khả năng tái chế như vỏ lon, bao bì, giấy loại ... được thu gom, lưu vào các thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi màu trắng, dán nhãn và được bố trí tại khu vực văn phòng. Hàng ngày, chất thải rắn tái chế đựng trong túi được nhân viên vệ sinh chuyển về kho lưu giữ và định kỳ 01 tháng/01 lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

+ Chất thải rắn sinh hoạt còn lại được thu gom, lưu vào các thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, dán nhãn và được bố trí tại hành lang các khu nhà xưởng. Hàng ngày, chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được chuyển về kho rác ở khu vực lưu giữ chất thải của dự án và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đặt tại nhà căn tin số 9 phía Đông cơ sở, diện tích khoảng 50m^2 . Trong kho bố trí các thùng rác HDPE dung tích 240l để phân loại rác.

2.4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, thùng sơn được lưu giữ vào các thùng phuy có nắp đậy, có dán nhãn chất thải nguy hại, đặt vào khu vực kho lưu chứa tạm trong dự án. Sau khi xây dựng kho xong sẽ chuyển các thùng CTNH này vào trong kho. Kho CTNH có tường tôn, mái lợp tôn và có cửa khóa bảo vệ.

b. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được thu gom, phân loại, lưu trữ và quản lý theo các quy định của nhà nước về quản lý chất thải nguy hại: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Biện pháp quản lý CTNH được áp dụng: Phân loại chất thải nguy hại chứa trong các thùng riêng biệt trên mỗi thùng dán nhãn và lưu giữ trong kho chứa quy định.

- Phân loại CTNH ngay tại nguồn thải, không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với các loại chất thải khác

- Tại các vị trí phát sinh CTNH sẽ được đặt các thùng chứa, bao bì chứa phù hợp. Toàn bộ lượng CTNH phát sinh sẽ được tập kết về khu lưu giữ chất thải tạm thời theo đúng quy định của công ty.

- + Bố trí các thùng chứa chuyên dụng loại 50L, có nắp đậy phù hợp với từng loại chất thải, ghi rõ tên chất thải, mã chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo ở bên ngoài thùng chứa.

- + Đối với dầu thải được thu gom vào các can nhựa loại 50L có nắp đậy chặt.

- + Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất được đưa qua máy ép bùn tách nước. Bùn khô được thu gom vào các bao chứa loại 500 kg/bao.

- + Đối với than hoạt tính thải, vật liệu lọc thải được thu gom vào các bao chứa loại 500 kg/bao.

- + Đối với linh kiện điện tử thải sẽ được thu gom theo lưu trình: Linh kiện điện tử thải → Thùng chứa → Kho CTNH → Máy sơ hủy linh kiện → Nhà thầu xử lý CTNH.

- Các chất thải này được thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy, bao bì chứa kín có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, ký hiệu tên từng loại theo TCVN 6706:2009.

- Đóng gói bảo quản CTNH theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, có dán biển cảnh báo, ghi

rõ mã CTNH, ký hiệu tên từng loại CTNH, bao bì chứa đảm bảo không bị rò rỉ, tràn đổ, rơi vãi hoặc phát tán mùi ra môi trường.

- Bố trí 01 Kho lưu giữ CTNH diện tích 50m² theo đúng quy định và đảm bảo các tiêu chuẩn như: Kho có mái che kín, tường bao xung quanh, có ổ khóa, nền chống thấm, rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng để phòng sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ. Bố trí các thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay,...Phía ngoài phải có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng và năng lực trong việc thu gom, vận chuyển và đem xử lý theo đúng quy định.

- Tiến hành lập nội quy về quản lý CTNH (bao gồm các ban hành mức xử phạt đối với những người vi phạm nội quy).

- Định kỳ 1 năm/lần, lập báo cáo về tình hình phát triển và quản lý chất thải nguy hại gửi về Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam.

Kho CHTN được xây dựng đảm bảo các yêu cầu như sau:

- + Nền cao, được đổ bê tông đặc chủng hoặc lát xi măng và sơn bề mặt bằng sơn chuyên dụng chống ăn mòn hóa chất. Có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có rãnh thu nước rò rỉ xung quanh kho chứa.

- + Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại được bố trí cách xa trạm điện để tránh việc phát sinh cháy nổ.

- + Trong kho được bố trí các bình chữa cháy cầm tay và hệ thống chữa cháy tự động sprinkler và bọt.

- + Gắn các biển cảnh báo nguy hiểm trong và ngoài cửa kho. Kích thước biển báo tối thiểu 30x30 cm.

Bên ngoài cửa kho được bố trí các bình cứu hỏa, phương tiện phòng ngừa ứng phó sự cố (thùng cát, xẻng xúc cát, phương tiện bảo hộ lao động cá nhân,...).

2.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công cùng một lúc các công đoạn có phát ra tiếng động lớn.

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị giảm thanh (như ống xả...) trên các phương tiện thi công;

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho các thiết bị nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên;

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện thi công, nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn;
- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc trực tiếp với các máy móc, phương tiện phát sinh độ ồn lớn như: Máy trộn bê tông nhỏ, xe ủi....

b. Giai đoạn vận hành

- Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bệ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu trơn thường kỳ.
- Xây tường chắn và lắp các ván tiêu âm tại những khu vực có độ ồn cao.
- Khu điều hành sản xuất được cách ly riêng.
- Bố trí trồng cây xanh đảm bảo đủ tỷ lệ.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh giờ nghỉ của nhân dân quanh khu vực.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực ồn lớn.

2.4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

2.4.4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Các công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải bị sự cố ngừng hoạt động, tạm dừng hoạt động sản xuất để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, xử lý khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải.

b. Công trình, biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

Để sự cố, ngay từ khâu nhập thiết bị Chủ đầu tư sẽ kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng thiết bị.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và kiểm tra các môi hàn, các điểm tiếp nối.

- Tuân thủ nghiêm ngặt hướng dẫn vận hành của hệ thống.

- Thực hiện nhật ký vận hành để theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như: luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút,...

- Khi hệ thống xử lý khí thải hoạt động không hiệu quả, Công ty sẽ:

+ Dừng hoạt động của nhà máy.

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

c. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Kết cấu xây dựng được thiết kế trên cơ sở các TCXDVN 4604:1988; TCXDVN 338:2005; TCXDVN 356:2005. Toàn bộ kết cấu trong các hạng mục xây dựng đều bằng những vật liệu khó cháy như sắt, thép, bê tông, tôn màu, v.v...;

- Bố trí lối đi lại, cửa ra-vào nhà xưởng, trong khu vực sản xuất cũng như khu nhà hành chính phải thỏa mãn yêu cầu thoát nạn, phù hợp với tiêu chuẩn PCCC;

- Đặt các bảng nội quy PCCC, các biển báo hướng dẫn về công tác PCCC và các bình cứu hỏa tại các vị trí dễ nhìn, dễ lấy sử dụng. Trong sản xuất cũng như trong sửa chữa thiết bị công nhân phải tuyệt đối tuân theo các qui định về an toàn phòng chống cháy nổ;

- Các chỗ đấu nối tiếp xúc, cầu dao điện của Hệ thống điện có thể gây tia lửa làm mất an toàn được bố trí vào các vị trí thật an toàn; Nhà xưởng xây cao, thoáng mát, đủ ánh sáng để công nhân làm việc.

Trong các khu sản xuất cần lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin báo động. Bố trí các hộp nước cứu hỏa, bình bột, thùng cát dập hỏa, cùng các dụng cụ PCCC như: Thang, câu liêm, xẻng cứu hỏa được sơn màu đỏ, đặt tại những nơi dễ thấy, dễ thao tác, các phương tiện chữa cháy luôn được kiểm tra và đảm bảo trong tình trạng sẵn sàng;

- Cách ly các công đoạn dễ cháy ra khu vực riêng. Các chất dễ cháy sẽ được chứa trong các tec, bồn kim loại lắp đặt ở nơi thông thoáng, cách ly riêng biệt, xung quanh có tường bao, lắp các thiết bị điều khiển, đo nồng độ, phát hiện rò rỉ, và đặc biệt là tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa;

- Nhà máy thành lập đội PCCC, thành viên của đội là nhân viên Bảo vệ và công nhân vận hành. Đội PCCC Nhà máy sẽ được cơ quan PCCC địa phương tổ chức huấn luyện, diễn tập hàng năm theo quy định của Pháp luật;

- Hệ thống chống sét phải nối với hai hệ tiếp địa riêng biệt, cây tiếp địa dài $\leq 2,4\text{m}$, đầu trên cây tiếp địa phải thấp hơn mặt đất $\geq 1,2\text{m}$ và được sơn phủ bảo vệ;

- Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án cần phải luôn đảm bảo yêu cầu sau: Thiết kế hệ thống PCCC cho dự án phải được thông qua cơ quan quản lý PCCC địa phương phê duyệt chấp thuận trước khi xây dựng và kiểm tra cấp giấy chứng nhận hoạt động khi hoàn thành công trình.

d. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

- Hóa chất trong kho phải được dán nhãn, sắp xếp hợp lý, gọn gàng, dễ phân biệt khi có nhiều loại; Từng lô hàng được đánh dấu và ghi bảng tên trên tường để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, phuy cal chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thùng thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho.

Kho phải được thông gió tốt, phải được thiết kế có thể ứng phó được các sự cố tràn đổ, thoát hiểm cho công nhân: độ dốc của sàn nhà, hệ thống đường gờ, rãnh thu hóa chất;

+ Phải có quy trình cho việc sang, rót hóa chất; quy trình vận chuyển, lưu giữ hóa chất.

+ Hóa chất rơi vãi phải được thấm bằng cát khô.

+ Trang bị tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu trong khu vực Nhà máy

+ Niêm yết địa chỉ, số điện thoại liên hệ cấp cứu khi cần thiết

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm quần áo bảo hộ lao động, bao tay bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang than hoạt tính,... cho công nhân khi thao tác với hóa chất trong quá trình sản xuất.

+ Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo Thông tư 32/2017/TT-BCT các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất.

+ Lưu trữ, sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản và vận chuyển.

e. Biện pháp về an toàn bảo hộ lao động

Với hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại, khép kín và mới 100%, hoạt động của nhà máy diễn ra với độ an toàn cao. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn cho người lao động và tuân thủ triệt để các quy định về bảo hộ lao động, Nhà máy dự định thực hiện các nội dung sau:

- Để nhà máy hoạt động ổn định, ngăn ngừa tuyệt đối những sự cố cháy, nổ xảy ra. Công ty thành lập một Ban An toàn Lao động trực thuộc Ban giám đốc công ty với thành phần là các cán bộ chủ chốt phụ trách các đơn vị, an toàn viên là các nhân viên thao tác sản xuất ở các cương vị.

- Ban An toàn lao động Công ty sẽ quản lý và chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo toàn bộ công tác Bảo hộ lao động, Vệ sinh công nghiệp, An toàn máy móc thiết bị trong quá trình vận hành cũng như sửa chữa, phòng chống cháy nổ-cứu nạn. lập kế hoạch kiểm tra định kỳ trang thiết bị chịu áp theo quy định bảo hộ lao động phải luôn và được sử dụng khi làm việc để hạn chế tác hại của hóa, nhiệt vào cơ con người.

- Công ty thực hiện tốt mọi quy định trong các văn bản pháp luật của Nhà nước về an toàn lao động và BHLĐ tại doanh nghiệp, trang bị bảo hộ lao động cho người công nhân và nhân viên được đưa vào kế hoạch hàng năm. Công ty định kỳ mở các lớp huấn luyện cho người lao động về công tác: Công tác An toàn lao động; Công tác Phòng cháy chữa cháy nổ; Quy trình vận hành thiết bị cao áp; Quy định về an toàn thực phẩm. Ngoài ra lãnh đạo công ty thường xuyên kiểm tra nhắc nhở thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp, xây dựng nhà máy xanh sạch đẹp sản xuất an toàn.

f. Biện pháp bảo vệ an toàn thực phẩm

- Yêu cầu đơn vị cung ứng thực phẩm chọn thực phẩm tươi, sạch, đã được kiểm định đạt tiêu chuẩn VSATTP của cơ quan chức năng, đọc kỹ các thông tin trên nhãn, thông tin liên quan đến thực phẩm; vệ sinh thực phẩm kỹ trước khi chế biến, ...

- Nghiêm cấm việc sử dụng các loại thực phẩm để lâu ngày, thực phẩm đã có dấu hiệu thay đổi về mùi, màu sắc, hình dáng (vỏ đồ hộp...), ... so với ban đầu.

- Không sử dụng các loại thực phẩm được khuyến cáo có khả năng chứa chất độc, các loại thực phẩm lạ.

- Vệ sinh phòng ăn sạch sẽ.

- Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm cần sơ cứu kịp thời cho bệnh nhân, nếu ở dạng nhẹ có thể thực hiện các biện pháp sau: Bù nước, uống nhiều nước sạch và ăn nhẹ. Nếu có các triệu chứng nặng hơn thì cần đưa ngay đến các cơ sở y tế gần nhất để kịp thời cứu chữa.

2.4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a. Giai đoạn xây dựng

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tài nguyên, môi trường; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Trong quá trình thi công phải đảm bảo về không gian, kiến trúc, cảnh quan, hình khối của từng công trình và tổng thể toàn khu vực đảm bảo đúng chức năng sử dụng, phù hợp tính chất công trình, đảm bảo không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên khu vực.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; ưu tiên sử dụng công nhân địa phương.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

- Luôn bố trí người trực cảnh giới trong thời gian thi công.

- Biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời có bố trí hố ga lắng cặn; tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng và không tập trung nguyên vật liệu thi công gần rãnh thoát nước. Thường xuyên khơi thông đường thoát nước mưa trong khu vực Dự

án với tần suất 02 ngày/lần. Bùn đất và cát tại hố lắng được nạo vét, phơi bùn và vận chuyển xử lý cùng chất thải thi công.

Quy trình thu gom, xử lý: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước tạm → hố lắng → xả ra môi trường.

b. Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên thực hiện vệ sinh, quét dọn rác, nguyên liệu vụn, kim loại rơi vãi trong các công đoạn sản xuất.

- Tăng cường tự động hóa dây chuyền sản xuất, cải tiến máy móc, thiết bị.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy nhằm điều hòa vi khí hậu, tạo mảng xanh cho nhà máy, hạn chế phát tán bụi.

- Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước 06 tháng/lần để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực Nhà máy.

- Biện pháp thu gom, thoát nước mưa:

- + Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- + Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng dọc theo đường giao thông.

2.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

2.5.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (01 vị trí tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt; 01 vị trí tại khu vực tập kết chất thải xây dựng và 01 vị trí tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trong thời gian thi công các hạng mục công trình chính).

- Giám sát việc thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao để xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.5.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn hoạt động

a. Chương trình giám sát nước thải

Dự án thực hiện đầu nối nước thải với Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, theo quy định tại điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải.

b. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định khác có liên quan.

Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2902181615

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GAOJIA OPTICS TECHNOLOGY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GAOJIA OPTICS (VIETNAM) TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GAOJIA OPTICS (VIETNAM) TECHNOLOGY CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô B-2-4, Khu Công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), Xã Nghi Hưng, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0827189835

Fax:

Email: gjot@gaojiaoptotech.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 119.609.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm mười chín tỷ sáu trăm lẻ chín triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ QUANG ĐIỆN CAO GIAI GIANG TÂY

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 91361100553525464H

Ngày cấp: 22/04/2010

Nơi cấp: Cục quản lý giám sát thị trường thành phố
Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: Đại lộ Hưng nghiệp, khu phát triển kinh tế kỹ thuật Thượng Nhiêu, thành phố Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: XIE, BINGGAO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/09/1972 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EJ2692788

Ngày cấp: 19/12/2022 Nơi cấp: Cục Quản lý di dân quốc gia – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: Toà 47 Hoài Ngọc Cốc, số 126 đường Thư Viện, quận Tân Châu, thành phố Thương Nhiêu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô B-2-4, Khu Công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), Xã Nghi Hưng, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Anh Tuấn



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4360747368

Chứng nhận lần đầu: ngày 14 tháng 12 năm 2023

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01: ngày 07 tháng 5 năm 2024

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02: ngày 18 tháng 11 năm 2024

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 03: Ngày 03 tháng 10 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 239/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4360747368 do Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp ngày 14/12/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 07/5/2024; chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 18/11/2024;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Nghệ An quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam nộp ngày 24/9/2025.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Chứng nhận:

Dự án đầu tư DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT GAOJIA OPTICS TECHNOLOGY VIỆT NAM; mã số dự án 4360747368, do Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp ngày 14/12/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 07/5/2024; chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 18/11/2024, được đăng ký điều chỉnh: Công suất thiết kế, quy mô xây dựng dự kiến, tổng vốn đầu tư của dự án và tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Jiangxi Gaojia Optoelectronic Technology Co., Ltd

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 91361100553525464H do Cục quản lý giám sát thị trường thành phố Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc cấp ngày 22/4/2010.

Địa chỉ trụ sở: Đại lộ Hưng Nghiệp, khu phát triển kinh tế kỹ thuật Thượng Nhiêu, thành phố Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc.

Điện thoại: +86-0793-8822166 Email: gjot@gaojiaoptotech.com.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ tên: XIE, BINGGAO; Giới tính: Nam; Chức vụ: Tổng giám đốc; Ngày sinh: 16/9/1972; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số: EJ2692788 do Cục Quản lý di dân quốc gia -Trung Quốc cấp ngày 19/12/2022; Địa chỉ thường trú/ Chỗ ở hiện tại: Tòa 47, Hoài Ngọc Cốc, số 126, đường Thư Viện, quận Tín Châu, thành phố Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc; Điện thoại: +86-13970379135 Email: xbg@gaojiaoptotech.com.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH GAOJIA OPTICS TECHNOLOGY VIỆT NAM, mã số doanh nghiệp 2902181615 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 03/01/2024; mã số thuế 2902181615.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT GAOJIA OPTICS TECHNOLOGY VIỆT NAM

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học <i>Chi tiết: Sản xuất thấu kính quang học dùng cho xe ô tô, máy ảnh, máy quay, máy chiếu, thiết bị hình ảnh</i>	2670	

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
2	Bán buôn tổng hợp Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) hàng hóa theo quy định của pháp luật.	4690	622
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng</i>	6810	

3. Quy mô dự án:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất thấu kính quang học dùng cho xe ô tô, máy ảnh, máy quay, máy chiếu, thiết bị hình ảnh; Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) hàng hóa theo quy định của pháp luật; Cho thuê nhà xưởng.

- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất thấu kính quang học dùng cho xe ô tô, máy ảnh, máy quay, máy chiếu, thiết bị hình ảnh: 260.000.000 sản phẩm/năm.

+ Bán buôn tổng hợp: Quy mô doanh thu dự kiến 4.000.000 USD/năm ổn định.

+ Diện tích nhà xưởng cho thuê khoảng 20.000 m².

- Quy mô xây dựng dự kiến: Nhà xưởng 1 (04 tầng); Nhà xưởng 2 (04 tầng); Nhà xưởng 3 (04 tầng); Nhà văn phòng tổng hợp (05 tầng); Nhà động lực (02 tầng); Nhà nghỉ ca (05 tầng); Trạm xử lý nước thải 1 (01 tầng); Trạm xử lý nước thải 2 (01 tầng); Nhà để xe máy, nhà rác, bể nước ngầm (03 tầng); Các công trình phụ trợ khác (Nhà kho, phòng bảo vệ, trạm điện); Giao thông và cây xanh.

**) Quy mô chi tiết các công trình, hạng mục theo quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.*

4. Địa điểm thực hiện dự án: Tại Lô B-2-4 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án KCN 354,5 ha thuộc Dự án WHA Industrial Zone - Nghệ An. Phạm vi ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp: Lô đất B-2-5;

- Phía Nam giáp: Đường nội bộ KCN, lộ giới 22.6m

- Phía Đông giáp: Lô đất B-2-3;

- Phía Tây giáp: Đường nội bộ KCN tuyến 2, lộ giới 74m.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: Khoảng 43.976 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.008.891.000.000 (một nghìn không trăm linh tám tỷ, tám trăm chín mươi một triệu) đồng, tương đương 39.500.000 (ba mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 241.659.000.000 (Hai trăm bốn mươi một tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu) đồng, tương đương 9.900.000 (Chín triệu chín trăm nghìn) đô la Mỹ (tỷ giá 1USD = 24.410 VNĐ ngày 01/11/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam), chiếm tỷ lệ 23,95% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Jiangxi Gaojia Optoelectronic Technology Co., Ltd	119.609.000.000	4.900.000	100	Tiền mặt	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
		122.050.000.000	5.000.000			Theo tiến độ thực hiện dự án

- Vốn huy động: 767.232.000.000 (bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu) đồng, tương đương 29.600.000 (hai mươi chín triệu, sáu trăm nghìn) đô la Mỹ (tỷ giá 1USD = 25.920 VNĐ ngày 19/8/2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 28/02/2067, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp của Nhà đầu tư:

i) Đối với phần vốn góp: 119.609.000.000 đồng, tương đương 4.900.000 đô la Mỹ: 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

ii) Đối với phần vốn góp: 122.050.000.000 đồng, tương đương 5.000.000 đô la Mỹ: Theo tiến độ thực hiện dự án.

- Vốn huy động: Theo tiến độ thực hiện dự án.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình hoạt động:

- Giai đoạn 1:

+ Từ tháng 11/2023 - 03/2024: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

+ Từ tháng 04/2024 - 04/2025: Xây dựng nhà xưởng.

+ Từ tháng 05/2025 - 07/2025: Lắp đặt vận hành máy móc thiết bị, tuyển dụng đào tạo nhân viên.

+ Tháng 08/2025: Nghiệm thu xây dựng và đưa giai đoạn 1 của dự án đi vào hoạt động chính thức *(theo Thông báo số 213/TB-KKT ngày 15/8/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An về việc về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng, các hạng mục công trình thuộc dự án).*

- Giai đoạn 2:

+ Từ tháng 11/2024 - 01/2025: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

+ Từ tháng 02/2025 - 02/2026: Xây dựng nhà xưởng, nghiệm thu xây dựng giai đoạn 2.

+ Từ tháng 03/2026 - 05/2026: Lắp đặt vận hành máy móc thiết bị, tuyển dụng đào tạo nhân viên.

+ Tháng 06/2026: Đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động chính thức.

Điều 2. Các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và của tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đề xuất dự án và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư.

3. Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ: <https://vietnaminvest.gov.vn>.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư 2020.

5. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, lao động, thuế, an ninh trật tự; nhập khẩu trang thiết bị, máy móc, nguyên liệu sản xuất của dự án và quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án đầu tư.

- Chỉ được bán buôn hàng hóa mà pháp luật Việt Nam cho phép và đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các pháp luật có liên quan.

- Nhà đầu tư chỉ được phép đưa dự án đi vào hoạt động khi hệ thống xử lý nước thải của dự án đã đấu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của giai đoạn 2 Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc lắp đặt, vận hành chạy thử, hoạt động chuyển giao công nghệ và các công nghệ xử lý, bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành.

- Khởi công xây dựng dự án, đưa dự án đi vào hoạt động khi đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4360747368 do Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp lần đầu ngày 14/12/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 07/5/2024, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 18/11/2024.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; 01 bản cấp cho Nhà đầu tư Jiangxi Gaojia Optoelectronic Technology Co., Ltd; 01 bản cấp cho Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam; 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tô Long

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Lô B-2-4, KCN WHA Industrial Zone 1, tỉnh Nghệ An

BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ các Quyết định: số 2440/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu D – Khu công nghiệp Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An; số 3695/QĐ-TTg ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ (lần 2) đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu D – Khu công nghiệp Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An; số 745/QĐ-TTg ngày 23/03/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ (lần 3) đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu D – Khu công nghiệp Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An; số 4371/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu D- Khu công nghiệp Nam Cẩm, tỉnh Nghệ An; Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000

Khu D- Khu công nghiệp Nam Cẩm, thuộc khu kinh tế Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4360747368 chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An để thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-KKT ngày 25/4/2024 của ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An về việc phê duyệt chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Lô B-2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1, tỉnh Nghệ An;

Xét đề nghị của của Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Tờ trình số 291/TTr-JGW ngày 29/10/2024 về việc thẩm định và phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam và Báo cáo thẩm định số 182/BC-QHXD ngày 07/11/2024 của Phòng Quy hoạch xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam, với các nội dung chính như sau:

- 1. Tên Dự án:** Dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam.
- 2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam.
- 3. Đơn vị tư vấn khảo sát lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực.
- 4. Vị trí và phạm vi ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch:**
 - Vị trí: Tại Lô B-2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1, tỉnh Nghệ An.
 - Phạm vi ranh giới:
 - + Phía Bắc giáp : Lô đất B-2-5;
 - + Phía Nam giáp : Đường nội bộ KCN, lộ giới 22,6m;
 - + Phía Đông giáp : Lô đất B-2-3;
 - + Phía Tây giáp : Đường nội bộ KCN tuyến 2, lộ giới 74m.
- 5. Nội dung quy hoạch xây dựng :**
 - Tổng diện tích lập quy hoạch: 43.976,00 m².
 - Các thông số quy hoạch xây dựng:
 - Diện tích xây dựng: 21.528,55 m²;
 - Diện tích đường giao thông nội bộ: 13.117,13 m²;
 - Diện tích cây xanh nội bộ: 9.330,32 m²;

- Mật độ xây dựng: 48,96%;
- Tầng cao: Từ 1 - 5 tầng.

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất

ST T	Hạng mục	Ký hiệu	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Nhà xưởng 1	01	4	6.134,60	
2	Nhà xưởng 2	03	4	2.637,00	
3	Nhà xưởng 3	05	4	6.134,60	
4	Nhà văn phòng tổng hợp	04	5	1.793,78	
5	Trạm xử lý nước thải 1	9A	1	105,46	Tăng 27,91m ²
6	Trạm xử lý nước thải 2 (02 bể XLNT)	9B	1	150,11	Tăng 78,61m ² và Chuyển từ 01 TXLNT thành 02 TXLTN giống nhau
7	Trạm điện 1	6A	1	384,00	Tăng 239,15m ²
8	Trạm điện 2	6B	1	296,08	Tăng 175,18m ²
9	Trạm động lực	02	2	559,92	Tăng 0,57m ²
10	Nhà để xe máy+Nhà rác+Bể nước ngầm	08	3	1.344,00	
11	Nhà nghỉ ca	07	5	1.824,00	
12	Cổng phụ + bảo vệ	10	1	40,00	Tăng 4m ²
13	Cổng chính+ bảo vệ+ tuyến dụng	11	1	125,00	

Điều 2.

1. Ban hành kèm theo Quyết định này là bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; Bản vẽ Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan; Bản đồ quy

hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng - Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại lô B-2-4 thuộc Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1, tỉnh Nghệ An đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An ký duyệt.

2. Sau khi điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt, Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An cắm mốc ranh giới quy hoạch xây dựng tại thực địa. Khi tổ chức cắm mốc nếu có sự khác nhau giữa tài liệu khảo sát, quy hoạch được duyệt với thực địa thì phải báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An để phối hợp xử lý;

- Tổng hợp đầy đủ hồ sơ quy hoạch đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An phê duyệt gửi các cơ quan có thẩm quyền liên quan, mỗi cơ quan 01 bộ để phục vụ lưu trữ và phối hợp quản lý quy hoạch xây dựng;

- Trong quá trình lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật các hạng mục công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật cho dự án, đề nghị Chủ đầu tư triển khai thực hiện theo đúng điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt và làm việc với Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An để thống nhất thỏa thuận các điểm đầu nối của dự án đảm bảo phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An đang được đầu tư xây dựng;

- Trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và cấp phép xây dựng cho dự án theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng Ban; Trưởng các phòng: Quy hoạch xây dựng; Kế hoạch đầu tư; Tài nguyên và môi trường; Công ty cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An; Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trưởng Ban (để báo cáo);
- Các Phó Trưởng Ban;
- Lưu VT, P.QH XD (Xuân).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Hải

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



4 0 1 6 7 0 8 2 4 0 1 3 8 7 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH GAOJIA OPTICS TECHNOLOGY VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2902181615 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/01/2024.

Địa chỉ trụ sở: Lô B-2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone1-Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

DM 684704

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 2368; tờ bản đồ số: 36;
b) Địa chỉ thửa đất: Xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
c) Diện tích: 43.976,0 m², (Bằng chữ: Bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi sáu mét vuông);
d) Hình thức sử dụng đất: Riêng: 43.976,0 m², chung: Không;
đ) Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp;
e) Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 28/02/2067;
g) Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp.

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

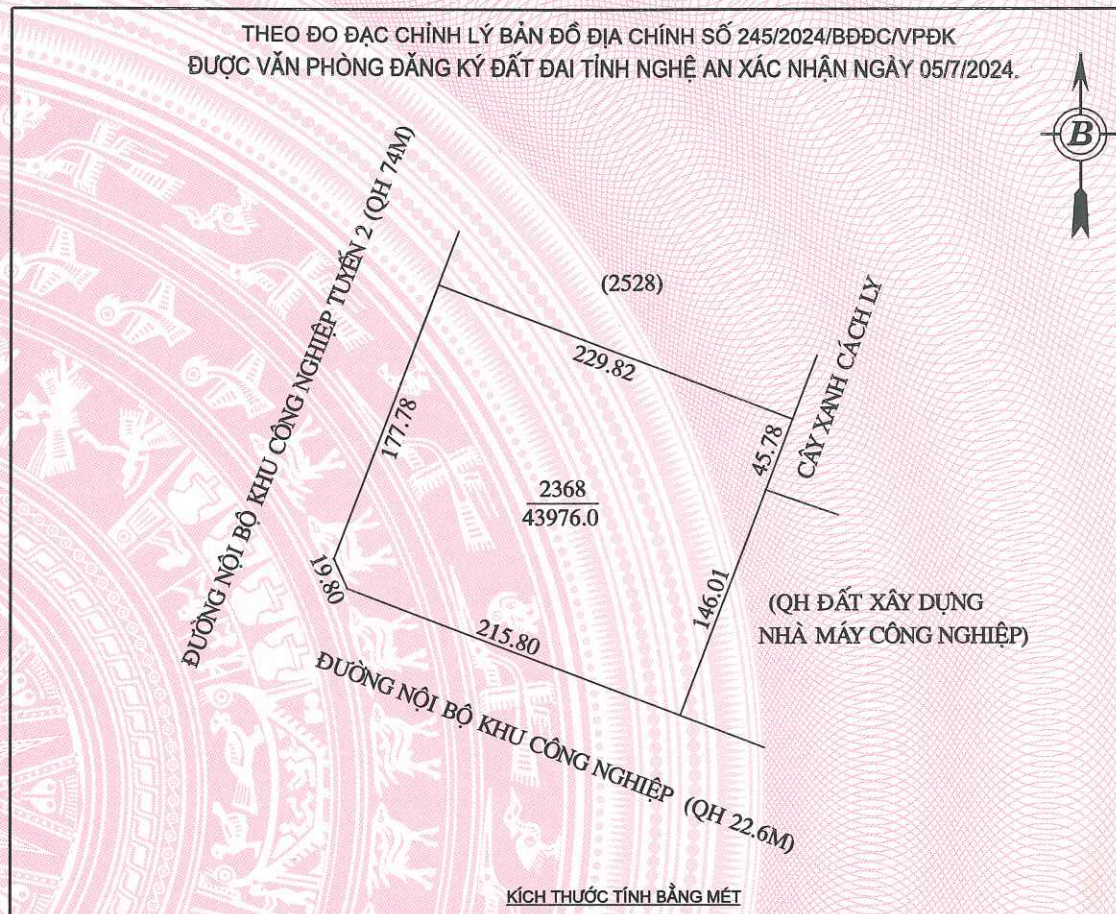
Nghệ An, ngày 30 tháng 7 năm 2024
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH NGHỆ AN
Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Thành

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: (CT).....33047.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số: 14 /GPMT-TNMT

Nghệ An, ngày 06 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ủy quyền Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam thực hiện một số nhiệm vụ về lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 228/CV-GAOJIA ngày 26/4/2024 của Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi cho Dự án nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường cho dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B-2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

1.3. Giấy Chứng nhận đầu tư số 4360747368, do Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An cấp chứng nhận cấp lần đầu ngày 14/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 2902181615.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học mã ngành theo VSIC (mã ngành cấp 4): 2670;
- Bán buôn tổng hợp mã ngành theo VSIC (mã ngành cấp 4): 4690;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê mã ngành theo VSIC (mã ngành cấp 4): 6810.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích sử dụng đất: 43.976m²;
- Công suất thiết kế:
 - + Sản xuất thấu kính quang học dùng cho xe ô tô, máy ảnh, máy quay, máy chiếu, thiết bị hình ảnh: 23.000.000 sản phẩm/năm.
 - + Bán buôn tổng hợp: Quy mô doanh thu dự kiến 4.000.000 USD/năm ổn định.
 - + Diện tích nhà xưởng cho thuê khoảng 5.000 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, UBND huyện Nghi Lộc, Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An nếu xảy ra các sự cố dẫn đến ô nhiễm môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý KKT Đông Nam phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban (để b/c);
- Các Phó Trưởng Ban;
- UBND huyện Nghi Lộc;
- Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam;
- Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An;
- Các phòng: TNMT, KHĐT, QHXD;
- Trang TTĐT Ban QL KKT Đông Nam;
- Lưu: VT, HS_(Huệ).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-TNMT ngày 06 /5 /2024 của Ban Quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An, không xả trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn; Nước thải từ nhà bếp, bồn rửa được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được bơm về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 135 m³/ngày.đêm bằng đường ống HDPE D200 và HDPE D300 với tổng chiều dài 1.200 m để xử lý.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải từ hoạt động mài kính, rửa siêu âm và công đoạn khác được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 165m³/ngày.đêm bằng đường ống HDPE D160 với chiều dài 300m để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của đơn vị thuê nhà xưởng: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 70m³/ngày.đêm bằng đường ống HDPE D160 với chiều dài 150m để xử lý.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý được đưa về 01 hố ga chung trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà máy:

Nước thải phát sinh → Bể gom, tách rác (Thể tích 18,5 m³) → Bể điều hòa sinh học (Thể tích 54 m³) → Bể hợp khối SBR (Thể tích 120 m³) → Bể khử trùng (Thể tích 9 m³) → Hố ga kiểm soát chung → Đầu nối vào Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất phát sinh từ Nhà máy:

Nước thải từ công đoạn mài kính đậm đặc (Bể gom 9,75 m³) và nước thải từ quá trình tẩy rửa siêu âm (Bể gom 9m³) → Bể điều hòa sản xuất (Thể tích 72 m³) → Bể điều chỉnh pH (Thể tích 3,6 m³) → Bể keo tụ (Thể tích 3,6 m³) → Bể tạo bông (Thể tích 3,6 m³) → Bể lắng (Thể tích 36 m³) → Bể nén bùn (Thể tích 17,55 m³) → Bể trung gian (Thể tích 13,5 m³) → Bể khử trùng (Thể tích 9 m³) → Hồ ga kiểm soát chung → Đầu nối vào Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ đơn vị thuê nhà xưởng:

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh → Bể gom (10,4 m³) → Bể tách cặn, dầu (Thể tích 11,8 m³) → Bể lọc cặn (Thể tích 6,2 m³) → Bể Điều hoà (Thể tích 32,3 m³) → Bể phản ứng (Thể tích 2,8 m³) → Bể keo tụ (Thể tích 2,8 m³) → Bể tạo bông (Thể tích 3,85 m³) → Bể lắng hoá lý (Thể tích 14 m³) → Bể hiếu khí (Thể tích 23,8 m³) → Bể lắng sinh học (Thể tích 14m³) → Bể trung gian (Thể tích 6,3 m³) → Bể khử trùng (Thể tích 6,3 m³) → Hồ ga kiểm soát chung → Đầu nối vào Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An.

Chất lượng nước thải sau xử lý nằm trong giới hạn đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy: 135 m³/ngày.đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy: 165 m³/ngày.đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất từ hoạt động của đơn vị thuê nhà xưởng: 70 m³/ngày.đêm.

- Vị trí đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An (*Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104⁰45', múi chiếu 3⁰*):

$$X = 2082929.1642;$$

$$Y = 591071.7037$$

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy: Methanol và Javen.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy: NaOH, H₂SO₄, PAC, PAM, Javen, Polymer Cation, Polyme Anion, Dinh dưỡng N, P, hoá chất dập bột.

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất từ hoạt động của đơn vị thuê nhà xưởng: Javen, H₂SO₄, NaOH, PAC, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động và liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống để hạn chế tối đa các sự cố của công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Bố trí sẵn thiết bị, vật tư, máy móc dự phòng thay thế ngay khi phát sinh sự cố để đảm bảo duy trì hoạt động liên tục của công trình.

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình xây dựng, vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng, cải tạo, duy tu hệ thống đường ống và hệ thống xử lý nước thải. Giám sát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra.

- Xây dựng kế hoạch xử lý khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ chuyên trách về môi trường để thường xuyên kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng (tháng 12/2024).

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 135 m³/ngày.đêm; Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 165m³/ngày.đêm; Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất công suất của đơn vị thuê nhà xưởng 70m³/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu:

- + 03 vị trí đầu vào của 03 Hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- + 03 vị trí đầu ra sau xử lý của 03 Hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép trong Hợp đồng đầu nối nước thải đã ký với Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An.

- Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Tối thiểu 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An;

- Vận hành công trình đầu nối nước thải đúng quy trình kỹ thuật; Điểm đầu nối nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát;

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình đầu nối nước thải, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, UBND huyện Nghi Lộc, Công ty CP WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An để chỉ đạo, giải quyết.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-TNMT ngày 06/5 /2024 của Ban Quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải và hơi dung môi phát sinh quá trình mài, cắt laser, phủ màng, dán keo, in ấn (có sử dụng hóa chất để làm sạch) tại các xưởng sản xuất của Nhà máy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải *(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104°45', múi giờ 3⁰)*:

- Ống thoát khí từ khu vực máy cắt laser da PU (Nhà xưởng số 1):

$$X = 2066186; \quad Y = 591640$$

- Ống thoát khí từ khu vực máy cắt laser da PU (Nhà xưởng số 2):

$$X = 2066145; \quad Y = 591621$$

- Ống thoát khí từ khu vực máy cắt laser da PU (Nhà xưởng số 3):

$$X = 2066132; \quad Y = 591611$$

- Ống thoát khí khu vực hệ thống rửa siêu âm (Nhà xưởng số 1):

$$X = 2066234; \quad Y = 591949$$

- Ống thoát khí khu vực hệ thống rửa siêu âm (Nhà xưởng số 2):

$$X = 2066176; \quad Y = 591985$$

- Ống thoát khí khu vực hệ thống rửa siêu âm (Nhà xưởng số 3):

$$X = 2066266; \quad Y = 591997$$

- Ống thoát khí khu vực công đoạn phủ màng (Nhà xưởng số 1):

$$X = 2066612; \quad Y = 591667$$

- Ống thoát khí khu vực công đoạn phủ màng (Nhà xưởng số 2):

$$X = 2066612; \quad Y = 591667$$

- Ống thoát khí khu vực công đoạn phủ màng (Nhà xưởng số 3):

$$X = 2066612; \quad Y = 591667$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 45.000 m³/giờ, trong đó:

+ 03 dòng khí thải từ khu vực máy cắt laser da PU với lưu lượng xả khí thải tối đa là $3 \text{ dòng} \times 5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{dòng} = 15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ 03 dòng khí thải từ khu vực hệ thống rửa siêu âm với lưu lượng xả khí thải tối đa là $3 \text{ dòng} \times 5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{dòng} = 15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ 03 dòng khí thải từ khu vực công đoạn phủ màng với lưu lượng xả khí thải tối đa là $3 \text{ dòng} \times 5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{dòng} = 15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ các vị trí sản xuất được thu gom bằng hệ thống chụp hút, quạt hút đến hệ thống xử lý khí thải tại từng nhà xưởng để xử lý, tương ứng với dòng khí thải phát sinh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình cắt laser da PU, rửa siêu âm, phủ màng → Buồng phun nước → Tháp xử lý than hoạt tính → Ống thoát khí ra ngoài môi trường.

- Chế độ vận hành: Liên tục;

- Công suất thiết kế: Tổng công suất thiết kế là $45.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động và liên tục theo quy quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi, khí thải;

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định, liên tục;

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất tại dây chuyền liên quan, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải và chỉ hoạt động trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Đối với sự cố lớn, dừng hoạt động sản xuất và báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng (tháng 12/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 03 Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực máy cắt laser da PU (Tại nhà xưởng số 1, 2, 3): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/giờ/hệ thống.

- 03 Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực hệ thống rửa siêu âm (Tại nhà xưởng số 1, 2, 3): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/giờ/hệ thống.

- 03 Hệ thống xử lý khí thải khu vực công đoạn phủ màng (Tại Nhà xưởng số 1, 2, 3): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/giờ/hệ thống.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 09 vị trí ở 9 ống thoát khí sau xử lý tại 3 nhà xưởng tương ứng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép tại Mục A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường;

- Vận hành công trình xử lý khí thải đúng quy trình kỹ thuật; Bố trí lối thăm phù hợp, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải;

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý khí thải, Chủ đầu tư phải báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, UBND huyện Nghi Lộc, Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An để chỉ đạo, giải quyết.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024
của Ban Quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ hoạt động các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất như máy mài, máy siêu âm, máy tráng phủ

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

- Nhà xưởng sản xuất số 1: $X = 2082881.42$; $Y = 591146,9$
- Nhà xưởng sản xuất số 2: $X = 2082973.32$; $Y = 591042,9$
- Nhà xưởng sản xuất số 3: $X = 2082956.32$; $Y = 591048,9$

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 27:2010/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Mức tiếp xúc cho phép độ rung tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định, bệ đỡ chắc chắn, có đệm cao su để chống ồn, rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-TNMT ngày 06 /5/2024
của Ban Quản lý KKT Đông Nam)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 14.270 kg/năm (tương đương 1.189 kg/tháng), cụ thể:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Keo dán thải (Có chứa dung môi hữu cơ)	08 03 01	3.000
2	Catrich mực, mực in (hộp mực in thải)	08 02 04	30
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	20
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.500
6	Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	500
7	Bao bì kim loại thải có chứa thành phần nguy hại	18 01 02	1.000
9	Bao bì mềm có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	3.000
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	60
12	Chất thải lây nhiễm (bông băng nhiễm máu, chất thải sắc nhọn, chất thải y tế khác)	13 01 01	30
13	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	5.000
14	Dầu truyền nhiệt thải	17 03 05	100
15	Pin, ắc quy thải	19 06 01	30
Tổng số lượng			14.270

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoản 2 tấn/tháng (tương đương với 24 tấn/năm).

Bao gồm: Vật liệu đóng gói như bìa carton, giấy thải, nilon, palet gỗ, bùn thải từ bể tự hoại, bể tách dầu, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 600 kg/ngày.

Bao gồm: Giấy báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, vật liệu bao gói thực phẩm, thức ăn dư thừa....

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Lưu chứa vào các thùng composite, mỗi loại được lưu chứa riêng vào một thùng, có dán nhãn biển báo chất thải nguy hại theo mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 50m² (kho đặt trong công trình Nhà để xe, nhà rác và bể nước ngầm có tổng diện tích 1.340m² của Nhà máy).

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: Kho được xây bằng gạch kiên cố, nền láng xi măng, có gờ chống tràn, biển báo trong và ngoài kho và trang bị ứng phó tình huống khẩn cấp.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại và thu gom vào các thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất, cuối ngày vận chuyển về kho chất thải công nghiệp thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: 100m² (kho đặt trong công trình Nhà để xe, nhà rác và bể nước ngầm có tổng diện tích 1.340m² của Nhà máy).

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có biển báo, mái che tường bao kín, có cửa và nền láng xi măng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và thu gom vào các thùng chứa đặt tại khu vực văn phòng, khu vực hành lang, khu vực bếp của nhà máy. Cuối ngày, nhân viên vệ sinh tập kết về kho chất thải sinh hoạt ở khu vực nhà ăn.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 50m² (kho đặt trong công trình Nhà để xe, nhà rác và bể nước ngầm có tổng diện tích 1.340m² của Nhà máy).

- Thiết kế cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Có mái che, biển báo, nền láng xi măng.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Dự án không có hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống các công trình xử lý chất thải (khí thải); Vận hành thiết bị đúng quy trình, thao tác và định lượng các hóa chất sử dụng theo khuyến nghị và hướng dẫn của đơn vị chuyển giao công nghệ;

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý chất thải, kịp thời phát hiện và khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải thu gom, quản lý chất thải thông thường, chất thải nguy hại;

- Lắp đặt, trang bị hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị; Xây dựng phương án ứng phó và phối hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Số: 25 /GPMT-XDMT

Nghệ An, ngày 10 tháng 9 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 01)

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 8428/UBND-CN ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện một số nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024 của Trưởng Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Xét Văn bản số 0309/CV-GJ ngày 03/9/2025 của Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam về việc đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất Gaojia Optics Technology Việt Nam tại KCN WHA Industrial Zone 1 – Nghệ An, xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024 của Trưởng Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An cấp cho Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam có địa chỉ tại lô B-2-4, Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An (Giai đoạn 2), xã Thần Lĩnh, tỉnh Nghệ An, chi tiết tại

Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024.

Điều 2. Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024 và các nội dung được điều chỉnh tại phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường này (Cấp điều chỉnh lần 01) có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban (để b/c);
- Các Phó Trưởng Ban;
- UBND xã Thần Lĩnh;
- Công ty TNHH Gaojia Optics Technology Việt Nam;
- Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone - 1 Nghệ An;
- Các phòng: XDMT, KHĐT;
- Trang TTĐT Ban QL KKT Đông Nam;
- Lưu: VT, HS_(Huy).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tô Long

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Phụ lục.**NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 25 /GPMT-XDMT ngày 10 /9/2025
của Ban Quản lý KKT Đông Nam)*

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

Điều chỉnh một số nội dung tại mục 2 “Kế hoạch vận hành thử nghiệm” phần B của Phụ lục 1 Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024, cụ thể như sau:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến bắt đầu 15/12/2025, kết thúc 15/3/2026.

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

1.1. Điều chỉnh một số nội dung tại mục 1, mục 2 thuộc phần A của Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024, cụ thể như sau:

1.1.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải và hơi dung môi phát sinh từ quá trình mài, cắt laser, phủ màng, dán keo, in ấn (Có sử dụng hóa chất để làm sạch) tại Nhà xưởng 1.

- Nguồn số 02: Khí thải và hơi dung môi phát sinh từ quá trình mài, cắt laser, phủ màng, dán keo, in ấn (Có sử dụng hóa chất để làm sạch) tại Nhà xưởng 2.

- Nguồn số 03: Khí thải và hơi dung môi phát sinh từ quá trình mài, cắt laser, phủ màng, dán keo, in ấn (Có sử dụng hóa chất để làm sạch) tại Nhà xưởng 3.

1.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a. Vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

- Ống thoát khí 01 (Nguồn số 01): X (m): 2082904; Y (m): 591103;

- Ống thoát khí 02 (Nguồn số 02): X (m): 2082939; Y (m): 591160;

- Ống thoát khí 03 (Nguồn số 03): X (m): 2082884; Y (m): 591247.

b. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 45.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.

1.2. Điều chỉnh một số nội dung tại mục 2 “Kế hoạch vận hành thử nghiệm” thuộc phần B của Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024, cụ thể như sau:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến bắt đầu 15/12/2025, kết thúc 15/3/2026.

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- + Hệ thống xử lý khí thải tại Nhà xưởng 1;

- + Hệ thống xử lý khí thải tại Nhà xưởng 2;

- + Hệ thống xử lý khí thải tại Nhà xưởng 3.

- Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí ở 3 ống thoát khí sau xử lý tại 3 nhà xưởng tương ứng.

3. Điều chỉnh nội dung yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Điều chỉnh một số nội dung tại mục 1.2, 1.3 thuộc nội dung số 1 phần A của Phụ lục 4 Giấy phép môi trường số 14/GPMT-TNMT ngày 06/5/2024, cụ thể như sau:

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 5 tấn/tháng (Tương đương 60 tấn/năm);

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 900 kg/ngày./.